TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 31-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội động xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bá Khen

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đông và bà Trần Thị trí.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Minh Quang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Ông Hà Sỹ Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/HSST, ngày 03-4-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo: Trần Thị H; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 09/10/1984, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh K; nghề nghiệp: Buôn bán phế liệu; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông (Không rõ) con bà Trần Thị S; có chồng là Lê Đình K và ba con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 28/12/2018 được tại ngoại. Bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Ngọc B; nơi cư trú: Thôn 8, xã D, huyện Đ, tỉnh K; Vắng mặt.

2. Ông Lê Ngọc T; nơi cư trú: Thôn 8, xã D, huyện Đ, tỉnh K; Có mặt.

3. Anh Lê Đình K; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh K; Có mặt.

4. Bà Nàng B; nơi cư trú: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ sáng ngày 08/12/2018, Trần Thị H, trú tại thôn T, xã P, huyện N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82E1 – 032.67 đi mua phế liệu, khi đi đến trạm thu phí cũ thuộc thôn I, xã P thì gặp một người phụ nữ lạ mặt (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) đứng ven đường giơ tay vẫy H lại, H dừng lại người phụ nữ

này hỏi H "Có chở pháo thuê không" H nói có, người phụ nữ này chỉ cho H ba bao tải chứa pháo để bên lề đường nói chở ra thị trấn P sẽ trả tiền công 200.000 đồng, lúc này H cùng người phụ nữ khiêng hai bao tải bỏ vào sọt hàng hai bên xe, còn một bao H bỏ ở yên xe phía sau rồi điều khiển xe theo Quốc lộ 40 ra hướng thị trấn P, khi đi qua thôn N, xã Đ thì bị tổ công tác Công an huyện N tiến hành kiểm tra và phát hiện toàn bộ số pháo trên đồng thời lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 57/KLGĐ ngày 14/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G kết luận: 24 (Hai bốn) hộp giấy kín, bên trong mỗi hộp đều có 49 vật hình trụ có dây nối liên kết với nhau đựng trong 01 bao xác rắn màu đỏ gửi giám định là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt bay lên cao, gây tiếng nổ và phát ra ánh sáng màu) có tổng khối lượng là 38,4 kg(Ba mươi tám phẩy bốn kilôgam).

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô gắn biển số 82E1-032.67, nhãn hiệu YAMAHA, SIRIUS, màu sơn đỏ, đen, số máy: 5C64194872, số khung: RLCS5C6409Y194867.

Kết quả xác minh:

Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, SIRIUS, màu sơn đỏ, đen, số máy: 5C64194872, số khung: RLCS5C6409Y194867 là của anh Lê Ngọc B, trú tại thôn 8, xã D, huyện Đ đứng tên chủ sở hữu, năm 2012 anh B bán lại cho bố đẻ là ông Lê Ngọc T, trú tại thôn 8, xã D, huyện Đ. Ngày 22/02/2015 ông T đi thăm rẫy tại khu vực bãi cát ven sông thuộc thôn 1, xã D, huyện Đ thì bị mất trộm, tại thời điểm mất chiếc xe mang biển kiểm soát 82T1 – 0173. Năm 2015 bị cáo H khi đi mua ve chai tại khu vực Cửa khẩu Quốc tế P, bị cáo mua chiếc xe này với giá 3.000.000 đồng của một người đàn ông (không biết tên địa chỉ) và đã sử dụng chiếc xe này từ khi mua đến khi phạm tội, trong thời gian sử dụng bị cáo không thay đổi kết cấu của xe. Quá trình điều tra Công an huyện N đã chuyển giao chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, SIRIUS cho Công an huyện Đ tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Biển số đăng ký 82E1-032.67 là của chiếc xe hiệu FAVOUR, màu nâu, số máy 008508, số khung 008508 do Nàng B, trú tại thôn I, xã P, huyện N đứng tên chủ sở hữu, qua xác minh xe và biển kiểm soát không có trong dữ liệu xe vật chứng và hiện nay bà Nàng B không có mặt tại nơi cư trú.

- 01 điện thoại đi động nhãn hiệu NOKIA màu đen. Quá trình điều tra, cơ quan Điều tra đã trả lại cho Trần Thị H 01 điện thoại đi động.

Với nội dung trên Bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 01/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh K truy tố bị cáo Trần Thị H về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên toàn bộ bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng về tội "Vận chuyển hàng cấm".

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo còn lại sau giám định.
- Trả lại cho bà Nàng B 01 Biển kiểm soát 82E1-032.67.

Bị cáo nói lời sau cùng: Do nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo hối hận về hành vi, vi phạm, vì hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo nhận chở pháo thuê, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng của vụ án là 38,4 kg pháo đã được cơ quan chức năng thu giữ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng kết quả giám định của cơ quan giám định tại kết luận giám định số: 57/KLGĐ ngày 14/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G kết luận: 24 (Hai bốn) hộp giấy kín, bên trong mỗi hộp đều có 49 vật hình trụ có dây nối liên kết với nhau đựng trong 01 bao xác rắn màu đỏ gửi giám định *là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt bay lên cao, gây tiếng nổ và phát ra ánh sáng màu)* có tổng khối lượng là 38,4 kg (Ba mươi tám phẩy bốn kilôgam). Như vậy đủ cơ sở để khẳng định: Bị cáo Trần Thị H đã có hành vi vận chuyển 24 (Hai bốn) hộp giấy kín, bên trong mỗi hộp đều có 49 vật hình trụ có dây nối liên kết với nhau đựng trong 01 bao xác rắn màu đỏ có tổng khối lượng là 38,4 kg pháo nổ bị bắt quả tang vào lúc 04 giờ 20 phút ngày 08/12/2018 khi đang vận chuyển từ P đến thôn N xã Đ, đã phạm tội "Vận chuyển hàng cấm", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, mục đích vận chuyển pháo của bị cáo là lấy tiền công, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, số lượng pháo nổ mà bị cáo vận chuyển là 38,4 kg thuộc khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự, nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội là do nhận thức, suy nghĩ còn đơn giản, chỉ vì 200.000 đồng tiền công mà bị cáo quên đi pháo nổ là hàng hóa mà Nhà nước cấm. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra không xác định được người thuê vận chuyển pháo, bị cáo là người trực tiếp vận chuyển nên bị cáo tự chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, do đó cần có hình phạt để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, xét xử, bị cáo đã khai báo đầy đủ hành vi phạm tội, sau khi phạm tội, bị cáo hối hận, nhận biết lỗi lầm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực lao động, sửa chữa lỗi lầm.

Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Vật chứng còn lại sau giám định: 22 (Hai mươi hai) hộp giấy kín, bên trong mỗi hộp đều có 49 (Bốn mươi chín) vật hình trụ có dây nối liên kết với nhau, có tổng khối lượng là 35,2 kg. Được niêm phong trong 01 (Một) bao xác rắn, niêm phong có các dấu hình tròn nội dung "PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH G" và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T, Nguyễn Đức T, Vũ Toàn T, xét đây là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 Biển kiểm soát 82E1-032.67 chủ sở hữu là của bà Nàng B, trú tại thôn I, xã P, huyện N. Qua xác minh, bà Nàng B không có mặt tại địa phương, chiếc biển kiểm soát còn sử dụng được, xét trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu NOKIA màu đen mà cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo. Quá trình điều tra xác định, bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại để liên lạc vào việc phạm tội, nên đã trả lại cho bị cáo là đúng quy định.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, SIRIUS, màu sơn đỏ, đen, số máy: 5C64194872, số khung: RLCS5C6409Y194867, Công an huyện N đã chuyển

giao xe cho Công an huyện Đ tiến hành điều tra, xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định, nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, xét tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Vê tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị H (tên gọi khác: Không) phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Về Điều luật áp dụng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 47; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án 31/5/2019.

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh K, nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 22 (Hai mươi hai) hộp giấy kín, bên trong mỗi hộp đều có 49 (Bốn mươi chín) vật hình trụ có dây nối liên kết với nhau, có tổng khối lượng là 35,2 kg được niêm phong trong 01 (một) bao xác rắn, niêm phong có các dấu hình tròn nội dung "PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH G" và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Minh T, Nguyễn Đức T, Vũ Toàn T.

- Trả lại cho bà Nàng B 01 Biển kiểm soát 82E1-032.67 khi bà L có yêu cầu nhận lại.

Vật chứng được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/5/2019, giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

5. Về án phí: Bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/5/2019. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen